

Phụ lục
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT TTHC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA VỀ
CẮT GIẢM 50% THỜI GIAN GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG VÀ UBND CẤP XÃ

(Kèm theo Quyết định số 2247/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

I. CẤP THÀNH PHỐ (228)

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTHC	Quyết định công bố Danh mục TTHC
I	Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản		
1.	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	(1.003111)	Số 1792/QĐ-UBND ngày 02/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
2.	Chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm đã được công nhận theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO/IEC 17025:2007 hoặc Tiêu chuẩn quốc tế ISO/IEC 17025:2005	(1.003082)	Số 1792/QĐ-UBND ngày 02/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
3.	Gia hạn chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước	(1.003058)	Số 1792/QĐ-UBND ngày 02/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
4.	Thay đổi, bổ sung phạm vi chỉ định cơ sở kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước	(2.001254)	Số 1792/QĐ-UBND ngày 02/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
5.	Miễn kiểm tra giám sát cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm.	(1.002996)	Số 1888/QĐ-UBND ngày 27/6/2025;

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTHC	Quyết định công bố
			Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
6.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	(2.001827)	Số 1792/QĐ-UBND ngày 02/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
7.	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	(2.001730)	Số 1792/QĐ-UBND ngày 02/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
8.	Sửa đổi, bổ sung/ cấp lại Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	(2.001726)	Số 1888/QĐ-UBND ngày 27/6/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
II	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (8)		
9.	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm muối nhập khẩu	(1.003486)	Số 1115 /QĐ-UBND ngày 21/4/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
10.	Công nhận nghề truyền thống	(1.003712)	Số 2363/QĐ-UBND ngày 29/7/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
11.	Công nhận làng nghề	(1.003695)	Số 2363/QĐ-UBND ngày 29/7/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
12.	Công nhận làng nghề truyền thống	(1.003727)	Số 2363/QĐ-UBND

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTHC	Quyết định công bố
			ngày 29/7/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
13.	Hỗ trợ dự án liên kết cấp tỉnh	(1.003397)	Số 1820/QĐ-UBND ngày 25/6/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
14.	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác	(1.012123)	Số 3320/QĐ-UBND ngày 20/10/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
15.	Nghiệm thu, thanh toán kinh phí hỗ trợ liên kết trong sản xuất nông nghiệp	(1.013309)	Số 2902/QĐ-UBND ngày 11/09/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
16.	Hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chăn nuôi, sản xuất giống chất lượng cao, cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm	(1.013308)	Số 2902/QĐ-UBND ngày 11/9/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
III	Lĩnh vực Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (21)		
17.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.	(2.001427)	Số 740/QĐ-UBND ngày 28/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
18.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc bảo vệ thực vật.	(1.002560)	Số 740/QĐ-UBND ngày 28/02/ 2026;

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTTC	Quyết định công bố
			Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
19.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.	(1.004363)	Số 1798/QĐ-UBND ngày 02/6/ 2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
20.	Cấp Giấy phép nhập khẩu thuốc bảo vệ thực vật.	(1.003971)	Số 526/QĐ-UBND ngày 03/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
21.	Cấp Quyết định công nhận tổ chức khảo nghiệm phân bón.	(1.007926)	Số 526/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
22.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón.	(1.007927)	Số 526/QĐ-UBND ngày 03/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
23.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón.	(1.007928)	Số 1565/QĐ-UBND ngày 18/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
24.	Cấp Giấy phép nhập khẩu phân bón.	(1.007929)	Số 526/QĐ-UBND ngày 03/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTTC	Quyết định công bố
25.	Cấp Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.	(1.008003)	Số 740/QĐ-UBND ngày 28/02/2026 ;
	Phục hồi Quyết định công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.		Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
26.	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.	(1.012072)	Số 526/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
27.	Sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ hiệu lực của quyết định chuyển giao bắt buộc quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ.	(1.012071)	Số 526/QĐ-UBND ngày 03/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
28.	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc.	(1.012070)	Số 1565/QĐ-UBND ngày 18/5/2026;
	Chuyển giao quyền sử dụng giống cây trồng được bảo hộ theo quyết định bắt buộc.		Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
29.	Ghi nhận tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.	(1.012063)	Số 1565/QĐ-UBND ngày 18/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
30.	Ghi nhận lại tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.	(1.012064)	Số 1565/QĐ-UBND ngày 18/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
31.	Cấp Giấy chứng nhận kiểm tra nghiệp vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.	(1.012062)	Số 1565/QĐ-UBND ngày 18/5/2026;

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTTC	Quyết định công bố
			Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
32.	Công nhận các tiêu chuẩn Thực hành nông nghiệp tốt khác (GAP khác) cho áp dụng để được hưởng chính sách hỗ trợ trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản.	(1.010090)	Số 4060/QĐ-UBND ngày 30/12/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
33.	Cấp phép nhập khẩu giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế (bao gồm cả giống cây trồng biến đổi gen được nhập khẩu với mục đích khảo nghiệm để đăng ký cấp Quyết định công nhận lưu hành giống cây trồng)	(1.007999)	Số 526/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
34.	Cấp phép xuất khẩu giống cây trồng và hạt lai của giống cây trồng chưa được cấp quyết định công nhận lưu hành hoặc tự công bố lưu hành và không thuộc Danh mục nguồn gen giống cây trồng cấm xuất khẩu phục vụ nghiên cứu, khảo nghiệm, quảng cáo, triển lãm, trao đổi quốc tế không vì mục đích thương mại.	(1.007994)	Số 526/QĐ-UBND ngày 03/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
35.	Kiểm tra nhà nước về an toàn thực phẩm đối với thực phẩm có nguồn gốc thực vật xuất khẩu.	(1.003395)	Số 132/QĐ-UBND ngày 09/12/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
36.	Công nhận tổ chức đủ điều kiện thực hiện khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật.	(2.001236)	Số 526/QĐ-UBND ngày 03/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
37.	Cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.	(1.014776)	Số 526/QĐ-UBND ngày 03/02/2026;
	Cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói.		Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTHC	Quyết định công bố
IV	Lĩnh vực Chăn nuôi và Thú y (29)		
38.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi đối với cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	(1.008126)	Số 1573/QĐ-UBND ngày 19/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
39.	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	(1.008122)	Số 1573/QĐ-UBND ngày 19/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
40.	Kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	(1.008124)	Số 528/QĐ-UBND ngày 03/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
41.	Giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	(1.008125)	Số 528/QĐ-UBND ngày 03/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
42.	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định, cấp Giấy chứng nhận) ¹		Số 1787/QĐ-UBND ngày 02/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
43.	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận vùng an toàn dịch bệnh động vật (trừ vùng an toàn dịch bệnh động vật cấp tỉnh; vùng an toàn dịch bệnh động vật theo yêu cầu của nước nhập khẩu hoặc phục vụ xuất khẩu trong trường hợp nước nhập khẩu yêu cầu cơ quan có thẩm quyền cấp trung ương thẩm định,		Số 1787/QĐ-UBND ngày 02/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

¹ TTHC thay thế so với Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 01/6/2026, đã được công bố tại Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 02/6/2026.

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTHC	Quyết định công bố
	cấp Giấy chứng nhận) ²		
44.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	(1.002549)	Số 1573/QĐ-UBND ngày 19/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
45.	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	(1.014777)	Số 1573/QĐ-UBND ngày 19/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
46.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin) trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	(1.002432)	Số 528/QĐ-UBND ngày 03/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
47.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	(1.013809)	Số 1573/QĐ-UBND ngày 19/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
48.	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	(1.013813)	Số 1573/QĐ-UBND ngày 19/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
49.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	(1.013811)	Số 528/QĐ-UBND ngày 03/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
50.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	(1.002409)	Số 1573/QĐ-UBND ngày

² TTHC thay thế so với Quyết định số 1767/QĐ-UBND ngày 01/6/2026, đã được công bố tại Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 02/6/2026

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTHC	Quyết định công bố
			19/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
51.	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	(1.014778)	Số 1573/QĐ-UBND ngày 19/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
52.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	(1.002373)	Số 528/QĐ-UBND ngày 03/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
53.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	(1.001686)	Số 1573/QĐ-UBND ngày 19/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
54.	Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	(1.014779)	Số 1573/QĐ-UBND ngày 19/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
55.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	(1.004839)	Số 528/QĐ-UBND ngày 03/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
56.	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y	(1.004022)	Số 1889/QĐ-UBND ngày 27/6/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTHC	Quyết định công bố
57.	Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y	(1.004756)	Số 1573/QĐ-UBND ngày 19/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
58.	Gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y	(2.001064)	Số 528/QĐ-UBND ngày 03/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
59.	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y	(1.005319)	Số 528/QĐ-UBND ngày 03/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
60.	Kiểm tra nhà nước về chất lượng thuốc thú y nhập khẩu	(1.003703)	Số 1889/QĐ-UBND ngày 27/6/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
61.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	(1.008128)	Số 1573/QĐ-UBND ngày 19/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
62.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	(1.011031)	Số 1573/QĐ-UBND ngày 19/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
63.	Quyết định hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	(1.012833)	Số 1098/QĐ-UBND ngày 19/4/2025;

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTHC	Quyết định công bố
			Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
64.	Đề xuất hỗ trợ đầu tư dự án nâng cao hiệu quả chăn nuôi đối với các chính sách hỗ trợ đầu tư theo Luật Đầu tư công	(1.012832)	Số 1098/QĐ-UBND ngày 19/4/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
65.	Quyết định hỗ trợ đối với các chính sách nâng cao hiệu quả chăn nuôi sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	(1.012834)	Số 1098/QĐ-UBND ngày 19/4/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
66.	Thông báo phương án chăn nuôi, phương án quản lý và kiểm soát nguy cơ rủi ro trong hoạt động chăn nuôi bò cạp trên địa bàn tỉnh	(1.014958)	Số 1787/QĐ-UBND ngày 02/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
V	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (9)		
67.	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen	(1.004096)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
68.	Cấp giấy phép tiếp cận nguồn gen	(1.004150)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
69.	Cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen	(1.014833)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTHC	Quyết định công bố
70.	Đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	(1.004117)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
71.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	(1.008682)	Số 198/QĐ-UBND ngày 13/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
72.	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	(1.014630)	Số 198/QĐ-UBND ngày 13/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
73.	Phê duyệt Phương án khai thác mẫu vật loài nguy cấp, quý, hiếm từ tự nhiên	(1.008672)	Số 198/QĐ-UBND ngày 13/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
74.	Thả động vật nuôi sinh sản tại cơ sở nuôi, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học về môi trường tự nhiên	(1.014022)	Số 198/QĐ-UBND ngày 13/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
75.	Cấp giấy phép trao đổi, tặng cho mẫu vật của loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ	(1.008675)	Số 198/QĐ-UBND ngày 13/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTHC	Quyết định công bố
VI	LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM (28)³		
76.	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	(1.014839)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
77.	Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	(1.012692)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
78.	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	(1.012689)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
79.	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	(1.012690)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
80.	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ (3.000160)	(3.000160)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
81.	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	(3.000159)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026;

³ 01 TTHC “Phê duyệt chương trình, dự án và hoạt động phi dự án được hỗ trợ tài chính của Quỹ bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh (1.000071)”, do Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng thành phố - Đơn vị sự nghiệp thuộc thành phố xây dựng quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết TTHC.

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTTC	Quyết định công bố
			Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
82.	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	(3.000152)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
83.	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	(1.014837)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
84.	Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	(1.014838)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
85.	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	(1.014836)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
86.	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	(1.012921)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
87.	Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	(1.012687)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTHC	Quyết định công bố
88.	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	(1.007918)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
89.	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	(1.000084)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
90.	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	(1.000081)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
91.	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính của một tỉnh)	(1.000058)	Số 1308/QĐ-UBND ngày 8/5/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
92.	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	(1.000055)	Số 1849/QĐ-UBND ngày 26/6/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
93.	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là tổ chức thuộc địa phương quản lý	(3.000501)	Số 2248/QĐ-UBND ngày 16/7/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
94.	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn vốn trồng rừng	(1.011470)	Số 2146/QĐ-UBND ngày 5/7/2025; Số 2014/QĐ-UBND

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTHC	Quyết định công bố ngày 17/6/2026
95.	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên	(1.000047)	Số 2146/QĐ-UBND ngày 5/7/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
96.	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	(1.012413)	Số 2776/QĐ-UBND ngày 29/8/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
97.	Cấp sửa đổi, bổ sung thông tin mã số cơ sở nuôi, cơ sở trồng loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES	(3.000496)	Số 198/QĐ-UBND ngày 13/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
98.	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục CITES	(1.004819)	Số 198/QĐ-UBND ngày 13/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
99.	Xác nhận bảng kê lâm sản	(1.000045)	Số 166/QĐ-UBND ngày 12/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
100.	Cấp, cấp lại mã số rừng sản xuất là rừng trồng	(1.014605)	Số 166/QĐ-UBND ngày 12/01/2026;

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTTC	Quyết định công bố
			Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
101.	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	(3.000198)	Số 166/QĐ-UBND ngày 12/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
102.	Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp	(3.000179)	Số 166/QĐ-UBND ngày 12/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
103.	Nộp tiền trồng rừng thay thế	(1.007916)	Số 166/QĐ-UBND ngày 12/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
VII	LĨNH VỰC THỦY SẢN (21)		
104.	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên)	(1.004923)	Số 294/QĐ-UBND ngày 20/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
105.	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ 02 xã trở lên)	(1.004921)	Số 294/QĐ-UBND ngày 20/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
106.	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ)	(1.004918)	Số 525/QĐ-UBND ngày 03/2/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTTC	Quyết định công bố
107.	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	(1.004915)	Số 525/QĐ-UBND ngày 03/2/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
108.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân	(1.004913)	Số 525/QĐ-UBND ngày 03/2/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
109.	Cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	(1.004794)	Số 906/QĐ-UBND ngày 18/3/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
110.	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý từ 02 xã, phường trở lên và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	(1.004692)	Số 906/QĐ-UBND ngày 18/3/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
111.	Cấp, cấp lại Giấy phép nhập khẩu giống thủy sản không có tên trong Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, trưng bày tại hội chợ, triển lãm	(2.001694)	Số 906/QĐ-UBND ngày 18/3/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
112.	Cấp văn bản chấp thuận khai thác loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm (vì mục đích bảo tồn, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu tạo nguồn giống ban đầu, hợp tác quốc tế)	(1.003851)	Số 294/QĐ-UBND ngày 20/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
113.	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đăng kiểm tàu cá (đối với cơ sở đăng kiểm tàu cá trên địa bàn quản lý trừ cơ sở đăng kiểm tàu cá thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường quản lý)	(1.003741)	Số 525/QĐ-UBND ngày 03/2/2026;

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTTC	Quyết định công bố
			Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
114.	Cấp phép nhập khẩu tàu cá, thuê tàu trần	(1.004929)	Số 294/QĐ-UBND ngày 20/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
115.	Công bố mở cảng cá loại I, loại II	(1.004694)	Số 294/QĐ-UBND ngày 20/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
116.	Công nhận kết quả khảo nghiệm giống thủy sản	(1.004943)	Số 1911/QĐ-UBND ngày 11/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
117.	Công nhận kết quả khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản	(1.004683)	Số 1911/QĐ-UBND ngày 11/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
118.	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá Việt Nam	(1.004344)	Số 525/QĐ-UBND ngày 03/2/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
119.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	(1.003650)	Số 294/QĐ-UBND ngày 20/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
120.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	(1.003634)	Số 294/QĐ-UBND

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTHC	Quyết định công bố
			ngày 20/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
121.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản	(1.003586)	Số 294/QĐ-UBND ngày 20/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
122.	Cấp, cấp lại, sửa đổi, bổ sung thông tin Giấy chứng nhận thủy sản, sản phẩm thủy sản đạt yêu cầu xuất khẩu vào Hoa Kỳ (COA)	(2.002819)	Số 91/QĐ-UBND ngày 07/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
123.	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	(1.003666)	Số 197/QĐ-UBND ngày 13/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
124.	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	(1.004359)	Số 525/QĐ-UBND ngày 03/2/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
VIII	Lĩnh vực Môi trường (3)		
125.	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường ⁴	(1.010733)	Số 1797/QĐ-UBND ngày 02/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026; Số

⁴ Thời gian giải quyết TTHC được thực hiện theo Quyết định số 1822/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026 (thời gian ít hơn so với thời gian được cắt giảm tại Quyết định số 1767/QĐ-UBND).

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTTC	Quyết định công bố
			2238/QĐ-UBND ngày 30/6/2026;
126.	Cấp giấy phép môi trường	(1.010727).	Số 677/QĐ-UBND ngày 13/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
127.	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	(1.010729)	Số 677/QĐ-UBND ngày 13/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
IX	Lĩnh vực Ứng phó sự cố tràn dầu (2)		
128.	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cảng, cơ sở, dự án tại địa phương	(1.013126)	Số 581/QĐ-UBND ngày 09/02/2026; ; Số 1632/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
129.	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các Tổng kho xăng dầu, kho xăng dầu có tổng khối lượng dự trữ từ 50 m3 đến dưới 50.000 m3, các cảng xăng dầu có khả năng tiếp nhận tàu có tải trọng dưới 50.000 DWT	(1.013127)	Số 581/QĐ-UBND ngày 09/02/2026; Số 1632/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
X	Lĩnh vực Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính) (1)		
130.	Kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	(1.013040)	Số 196/QĐ-UBND ngày 13/01/2026;

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTTC	Quyết định công bố
			Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
XI	Lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng (2)		
131.	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	(1.009791)	Số 431/QĐ-UBND ngày 27/01/2026; Số 680/QĐ-UBND ngày 13/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
132.	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	(1.009794)	Số 1563 /QĐ-UBND ngày 18/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
XII	Lĩnh vực Hoạt động xây dựng (2)		
133.	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	(1.013239)	Số 2217/QĐ-UBND ngày 13/7/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
134.	Thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	(1.013234)	Số 2217/QĐ-UBND ngày 13/7/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
XIII	Lĩnh vực Nông nghiệp (3)		
135.	Cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	(1.003388)	Số 1628/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTTC	Quyết định công bố
136.	Cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	(1.003371)	Số 1628/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
137.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương	(1.003618)	Số 1577/QĐ-UBND ngày 30/5/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
XIV	Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ (1)		
138.	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	(1.011647)	Số 1628/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
XV	Lĩnh vực Quản lý doanh nghiệp (1)		
139.	Phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp	(1.000025)	Số 801/QĐ-UBND ngày 24/3/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
XVI	Lĩnh vực Đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn (1) (Bộ Tài chính)		
140.	Nghiệm thu hoàn thành các hạng mục đầu tư hoặc toàn bộ dự án được hỗ trợ đầu tư theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ (cấp tỉnh)	(2.000746)	Số 463 /QĐ-UBND ngày 03/3/2023; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
XVII	Lĩnh vực Tài nguyên nước (18)		
141.	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	(1.004232)	Số 464/QĐ-UBND ngày 28/01/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTHC	Quyết định công bố
142.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	(1.004228)	Số 464/QĐ-UBND ngày 28/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
143.	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	(1.004223)	Số 464/QĐ-UBND ngày 28/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
144.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm	(1.004211)	Số 464/QĐ-UBND ngày 28/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
145.	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP)	(1.004179)	Số 464/QĐ-UBND ngày 28/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
146.	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	(1.004167)	Số 464/QĐ-UBND ngày 28/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
147.	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	(1.011518)	Số 464/QĐ-UBND ngày 28/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
148.	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	(1.004122)	Số 464/QĐ-UBND ngày 28/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTTC	Quyết định công bố
149.	Gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	(2.001738)	Số 464/QĐ-UBND ngày 28/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
150.	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	(1.012501)	Số 464/QĐ-UBND ngày 28/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
151.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	(2.001770)	Số 464/QĐ-UBND ngày 28/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
152.	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	(1.004283)	Số 464/QĐ-UBND ngày 28/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
153.	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện	(2.001850)	Số 464/QĐ-UBND ngày 28/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
154.	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất	(1.012503)	Số 464/QĐ-UBND ngày 28/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
155.	Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất	(1.012504)	Số 464/QĐ-UBND ngày 28/01/2026;

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTHC	Quyết định công bố
			Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
156.	Lấy ý kiến về tác động của công trình khai thác nước	(1.013799)	Số 464/QĐ-UBND ngày 28/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
157.	Đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	(2.002835)	Số 464/QĐ-UBND ngày 28/01/2026
158.	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành hoặc đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	(1.014716)	Số 464/QĐ-UBND ngày 28/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
XVII I	Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản (36)		
159.	Chấp thuận việc lấy mẫu để nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ chế biến khoáng sản	(1.014787)	Số 1572/QĐ-UBND ngày 18/5/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
160.	Chấp thuận thay đổi nội dung đề án thăm dò khoáng sản	(1.014789)	Số 1793/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
161.	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản	(1.014788)	Số 533/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
162.	Lựa chọn tổ chức, cá nhân để xem xét cấp giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	(1.014260)	Số 1319/QĐ-UBND ngày 21/4/2026;

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTTC	Quyết định công bố
			Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
163.	Cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản	(1.014261)	Số 1319/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
164.	Cấp lại giấy phép thăm dò khoáng sản	(1.014262)	Số 1793/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
165.	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản	(1.014263)	Số 1793/QĐ-UBND ngày 02/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
166.	Điều chỉnh giấy phép thăm dò khoáng sản	(1.014264)	Số 1793/QĐ-UBND ngày 02/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
167.	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản	(1.014268)	Số 1793/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
168.	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản	(1.014271)	Số 1793/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTHC	Quyết định công bố
169.	Thăm dò bổ sung để nâng cấp tài nguyên, trữ lượng khoáng sản	(1.014273)	Số 1793/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
170.	Cấp giấy phép khai thác khoáng sản	(1.014257)	Số 1319/QĐ-UBND ngày 21/4/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
171.	Cấp lại giấy phép khai thác khoáng sản	(1.014265)	Số 1319/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
172.	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản	(1.014266)	Số 1319/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
173.	Điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản	(1.014267)	Số 1319/QĐ-UBND ngày 21/4/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
174.	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản	(1.014269)	Số 1319/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTTC	Quyết định công bố
175.	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	(1.014270)	Số 1319/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
176.	Cấp đổi giấy phép khai thác khoáng sản	(1.014272)	Số 1319/QĐ-UBND ngày 21/4/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
177.	Phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản	(1.014274)	Số 1793/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
178.	Điều chỉnh nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt	(1.014276)	Số 1793/QĐ-UBND ngày 02/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
179.	Chấp thuận phương án đóng cửa mỏ khoáng sản	(1.014277)	Số 1793/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
180.	Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản	(1.014278)	Số 1793/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
181.	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	(1.014279)	Số 1319/QĐ-UBND ngày 21/4/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTTC	Quyết định công bố
182.	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	(1.014280)	Số 1319/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
183.	Điều chỉnh giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	(1.014281)	Số 1319/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
184.	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản	(1.014282)	Số 1319/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
185.	Chuyển nhượng quyền khai thác tận thu khoáng sản	(1.014283)	Số 1319/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
186.	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	(1.014256)	Số 1319/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
187.	Bổ sung khối lượng công tác thăm dò khi giấy phép thăm dò khoáng sản đã hết thời hạn.	(1.014291)	Số 1793/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
188.	Chấp thuận thăm dò, khai thác khoáng sản tại khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản	(1.01429)	Số 1793/QĐ-UBND ngày 02/6/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

189.	Tập Thủ tục hành chính Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản.	Mã TTUC (1.014466)	Quyết định công bố Số 1319/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
190.	Khai thác thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản	(1.014786)	Số 533/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
191.	Chấp thuận khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV tại khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản	(1.014289)	Số 1319/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
192.	Xác nhận kết quả khảo sát, đánh giá thông tin chung đối với khoáng sản nhóm IV	(1.014290)	Số 1319/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
193.	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	(1.014295)	Số 1319/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
194.	Giao nộp thông tin, dữ liệu địa chất, khoáng sản	(1.014346)	Số 1319/QĐ-UBND ngày 21/4/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
XIX	Lĩnh vực Biển và Hải đảo (9)		
195.	Giao khu vực biển	(1.005401)	Số 716/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 ;

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTTC	Quyết định công bố
			Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
196.	Công nhận khu vực biển	(1.009481)	Số 716/QĐ-UBND ngày 25/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
197.	Trả lại khu vực biển	(1.005399)	Số 716/QĐ-UBND ngày 25/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
198.	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển	(1.005400)	Số 1912/QĐ-UBND ngày 11/6/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
199.	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển	(1.005189)	Số 716/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
200.	Trả lại giấy phép nhận chìm ở biển	(1.000942)	Số 716/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
201.	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển	(1.000969)	Số 1912/QĐ-UBND ngày 11/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
202.	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển	(3.000435)	Số 716/QĐ-UBND ngày 25/02/2026;

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTHC	Quyết định công bố
			Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
203.	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển	(3.000436)	Số 1912/QĐ-UBND ngày 11/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
XX	Lĩnh vực Thủy lợi (17)		
204.	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	(1.014847)	Số 683/QĐ-UBND ngày 13/2/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
205.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	(1.004427)	Số 1615/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
206.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	(2.001796)	Số 1615/QĐ-UBND ngày 25/5/2026 Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
207.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	(2.001426)	Số 1615/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
208.	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	(2.001795)	Số 1615/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTTC	Quyết định công bố
209.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	(1.003870)	Số 1615/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
210.	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	(2.001793)	Số 1615/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
211.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	(1.004385)	Số 1615/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
212.	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	(2.001791)	Số 1615/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
213.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	(1.003880)	Số 1615/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
214.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	(2.001401)	Số 1615/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
215.	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt	(1.003867)	Số 683/QĐ-UBND ngày 13/2/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTTC	Quyết định công bố
216.	Phê duyệt phương án, cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt	(2.001804)	Số 683/QĐ-UBND ngày 13/2/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
217.	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	(1.003232)	Số 683/QĐ-UBND ngày 13/2/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
218.	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	(1.003221)	Số 683/QĐ-UBND ngày 13/2/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
219.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	(1.003211)	Số 683/QĐ-UBND ngày 13/2/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
220.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	(1.003203)	Số 683/QĐ-UBND ngày 13/2/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
XXI	Lĩnh vực Quản lý đê điều và Phòng chống thiên tai (1)		
221.	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh	(1.013644)	Số 1707/QĐ-UBND ngày 29/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
XXII	Lĩnh vực quản lý công sản (Bộ Tài chính) (1)		
222.	Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng	(1.011769)	Số 1892/QĐ-UBND ngày 10/8/2023

STT	Tên Thủ tục hành chính	Mã TTHC	Quyết định công bố
			Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
XXII I	Lĩnh vực Khí tượng thủy văn (4)		
223.	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	(1.000987)	Số 1351/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
224.	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	(1.000970)	Số 1351/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
225.	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn	(1.000943)	Số 1351/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
226.	Phê duyệt nội dung trao đổi thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu với tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên đối với thông tin, dữ liệu khí tượng thủy văn, giám sát biến đổi khí hậu trong địa giới hành chính của tỉnh	(1.013861).	Số 1850/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
XXIV	Lĩnh vực Tổng hợp (1)		
227.	Thủ tục khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường	(1.004237)	Số 1098/QĐ-UBND ngày 19/4/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
XXV	Lĩnh vực Đo đạc và bản đồ (1)		

STT 228.	<p style="text-align: center;">Tập Thủ tục hành chính</p> Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	Mã TTHC (1.000049)	Quyết định công bố Số 1767/QĐ-UBND ngày 01/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
-------------	--	-----------------------	--

II. CẤP XÃ (65)

Stt	Tên TTHC	Cơ quan thực hiện	Quyết định đã công bố
I	Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (7)		
1.	Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác	(1.012123)	Số 3320/QĐ-UBND ngày 20/10/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
2.	Nghiệm thu, thanh toán kinh phí hỗ trợ liên kết trong sản xuất nông nghiệp	(1.013309)	Số 2902/QĐ-UBND ngày 11/09/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

3.	Hỗ trợ dự án liên kết cấp xã	(1.003434)	Số 1820/QĐ-UBND ngày 25/6/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
4.	Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng	(1.012124)	Số 3320/QĐ-UBND ngày 20/10/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
5.	Nghiệm thu, thanh toán kinh phí hỗ trợ đầu tư trồng sen, cây ăn quả, cây dược liệu; đầu tư máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp; đầu tư điểm trưng bày; giới thiệu sản phẩm OCOP làng nghề.	(1.013312)	Số 2902/QĐ-UBND ngày 11/09/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
6.	Phê duyệt hỗ trợ đầu tư trồng sen, cây ăn quả, cây dược liệu; đầu tư máy móc phục vụ sản xuất nông nghiệp; đầu tư điểm trưng bày; giới thiệu sản phẩm OCOP làng nghề.	(1.013311)	Số 2902/QĐ-UBND ngày 11/09/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
7.	Hỗ trợ phát triển các sản phẩm OCOP	(1.013310)	Số 2902/QĐ-UBND ngày 11/09/2025 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
II	Lĩnh vực Giảm nghèo (5)		
8.	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	(3.000412)	Số 1323/QĐ-UBND ngày 21/4/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
9.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	(1.011606)	Số 1857/QĐ-UBND ngày 26/6/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

10.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	(1.011607)	Số 1179 /QĐ-UBND ngày 25/4/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
11.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	(1.011608)	Số 1179 /QĐ-UBND ngày 25/4/2025 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
12.	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	(1.011609)	Số 1179 /QĐ-UBND ngày 25/4/2025 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
III	Lĩnh vực Trồng trọt (1)		
13.	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	(1.008004)	Số 1241/QĐ-UBND ngày 28/4/2025 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
IV	Lĩnh vực Chăn nuôi thú y (3)		
14.	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	(1.013997)	Số 1889/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
15.	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitor lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	(1.012836)	Số 1889/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
16.	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân	(1.012837)	Số 1889/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 ;

	tao gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước		Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
V	Lĩnh vực Kiểm lâm và Lâm nghiệp (8)		
17.	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	(1.014832)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
18.	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	(1.012922)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
19.	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	(1.012531)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
20.	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	(1.007919)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
21.	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	(1.012694)	Số 558/QĐ-UBND ngày 06/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
22.	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	(3.000250)	Số 1849/QĐ-UBND ngày 26/6/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

23.	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	(1.011471)	Số 2146/QĐ-UBND ngày 5/7/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
24.	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	(3.000502)	Số 2248/QĐ-UBND ngày 16/7/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
VI	Lĩnh vực Thủy lợi (17)		
25.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	(1.014849)	Số 1615/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
26.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	(1.014850)	Số 1615/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
27.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	(1.014851)	Số 1615/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
28.	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	(1.014852)	Số 1615/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
29.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động	(1.014853)	Số 1615/QĐ-UBND ngày 25/5/2026;

	gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã		Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
30.	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	(1.014859)	Số 1615/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
31.	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	(1.014860)	Số 1615/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
32.	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	(1.014862)	Số 1615/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
33.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	(1.014863)	Số 1615/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
34.	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	(1.014864)	Số 1615/QĐ-UBND ngày 25/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
35.	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	(2.001627)	Số 683/QĐ-UBND ngày 13/2/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

36.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	(1.003446)	Số 683/QĐ-UBND ngày 13/2/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
37.	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	(1.003440)	Số 683/QĐ-UBND ngày 13/2/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
38.	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	(2.001621)	Số 683/QĐ-UBND ngày 13/2/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
39.	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	(1.003347)	Số 683/QĐ-UBND ngày 13/2/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
40.	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	(1.003471)	Số 683/QĐ-UBND ngày 13/2/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
41.	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	(1.014848)	Số 683/QĐ-UBND ngày 13/2/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
VII	Lĩnh vực Quản lý đê điều và Phòng chống thiên tai (2)		
42.	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	(1.010092)	Số 17070/QĐ-UBND ngày 29/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

43.	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	(1.010091)	Số 17070/QĐ-UBND ngày 29/5/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
VIII	Lĩnh vực Thủy sản (11)		
44.	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	(1.003956)	Số 294/QĐ-UBND ngày 20/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
45.	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	(1.004498)	Số 294/QĐ-UBND ngày 20/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
46.	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	(1.004680)	Số 294/QĐ-UBND ngày 20/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
47.	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	(1.004656)	Số 294/QĐ-UBND ngày 20/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
48.	Công bố mở cảng cá loại III	(1.004478)	294/QĐ-UBND ngày 20/01/2026
49.	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	(1.014801)	Số 525/QĐ-UBND ngày 03/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

50.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản (Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét)	(1.003650)	Số 337/QĐ-UBND ngày 23/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
51.	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản (Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét)	(1.004359)	Số 525/QĐ-UBND ngày 03/2/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
52.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản (Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét)	(1.003634)	Số 337/QĐ-UBND ngày 23/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
53.	Hỗ trợ giải bản tàu cá không có nhu cầu hoạt động khai thác thủy sản	(1.014599)	Số 37/QĐ-UBND ngày 06/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
54.	Hỗ trợ chuyển đổi nghề cho thuyền viên trên các tàu cá giải bản	(1.014604)	Số 37/QĐ-UBND ngày 06/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
IX	Lĩnh vực Môi trường (1)		
55.	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	(1.010736)	Số 1225/QĐ-UBND ngày 26/4/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
X	Lĩnh vực Ứng phó sự cố tràn dầu (1)		
56.	Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu đối với cửa hàng bán lẻ xăng dầu trên đất liền, trên sông, trên biển và các cơ sở, dự án trên địa bàn xã không thuộc đối tượng kinh doanh, vận chuyển xăng dầu có nguy cơ xảy ra sự cố tràn dầu mức độ nhỏ (dung tích chứa dưới 50 m ³)	(1.013128)	Số 581/QĐ-UBND ngày 09/02/2026; Số 1632/QĐ-UBND ngày 25/5/2026;

			Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
XI	Lĩnh vực Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính) (1)		
57.	Kê khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	(1.013040)	Số 196/QĐ-UBND ngày 13/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
XII	Lĩnh vực Biển và Hải đảo (3)		
58.	Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	(3.000439)	Số 716/QĐ-UBND ngày 25/02/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
59.	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	(3.000442)	Số 1912/QĐ-UBND ngày 11/6/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
60.	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	(3.000441)	Số 716/QĐ-UBND ngày 25/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
61.	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	(3.000443)	Số 716/QĐ-UBND ngày 25/02/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
XIII	Lĩnh vực Nông nghiệp (1)		
62.	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	(1.003596)	Số 1577/QĐ-UBND ngày 30/5/2025; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026

XIV	Lĩnh vực Tài nguyên nước (1)		
63.	Đăng ký khai thác nước dưới đất	(1.001662)	Số 464/QĐ-UBND ngày 28/01/2026; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
XV	Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản (2)		
64.	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản	(1.014258)	Số 533/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026
65.	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	(1.014259)	Số 533/QĐ-UBND ngày 03/02/2026 ; Số 2014/QĐ-UBND ngày 17/6/2026